

Số: 12/2019/QĐST-HNGĐ

Bến Cát, ngày 15 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 986/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà V, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 101, đường V, thị trấn G, huyện G, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Lê Đình C, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số 12, đường Lê Lợi, khu phố 2, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q; địa chỉ làm việc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất phân bón PH, lô B7-B8, đường D9, khu công nghiệp R, xã A, thị xã B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Hà V và ông Lê Đình C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hà V và ông Lê Đình C đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Thanh B, sinh ngày 20/9/2011. Ông Lê Đình C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Toà án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hà V tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và tự nguyện chịu số tiền án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) thay cho ông Lê Đình C. Bà V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0027718 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B. Bà V đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: HSA, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Duyên